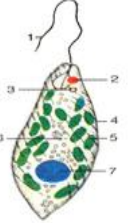
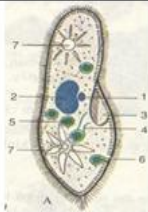
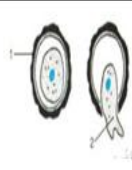
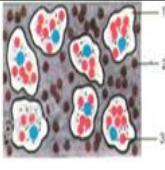


PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC_Tuần 10
Chủ đề: Ôn tập kiểm tra giữa HKI

NỘI DUNG	GHI CHÚ						
Hoạt động 1: Chủ đề: Ngành Động vật nguyên sinh	Xem lại nội dung kiến thức						
	STT	Tên DV Đặc điểm	Trùng roi xanh	Trùng biến hình	Trùng giày	Trùng kiết lỵ	Trùng sốt rét
							
	1	Cấu tạo và di chuyển	+ Cơ thể có 1 tế bào + Di chuyển nhờ roi	+ Cơ thể gồm 1 tế bào có: Chất nguyên sinh lỏng, nhân, không bào tiêu hoá, không bào co bóp. + Di chuyển nhờ chân giả (do chất nguyên sinh dồn về 1 phía).	+ Cơ thể có 1 tế bào + Di chuyển nhờ lông bơi	+ Có chân giả ngắn + Không có không bào.	+ Không có cơ quan di chuyển. + Không có các không bào.
	2	Dinh dưỡng	+ Tự dưỡng và dị dưỡng. + Hô hấp: Trao đổi khí qua màng tế bào. + Bài tiết: Nhờ không bào co bóp.	+ Tiêu hoá nội bào. + Bài tiết: chất thừa dồn đến không bào co bóp và thải ra ngoài ở mọi vị trí.	+ Thức ăn qua miệng tới hầu tới không bào tiêu hoá và biến đổi nhờ enzym. + Chất thải được đưa đến không bào co bóp và qua lỗ để thoát ra ngoài.	+ Thực hiện qua màng tế bào. + Nuốt hồng cầu.	+ Thực hiện qua màng tế bào. + Lấy chất dinh dưỡng từ hồng cầu.

3	Sinh sản	+Vô tính bằng cách phân đôi theo chiều dọc.	Vô tính bằng cách phân đôi cơ thể.	+Vô tính bằng cách phân đôi cơ thể theo chiều ngang. +Hữu tính: bằng cách tiếp hợp.	Trong môi trường, kết bào xác, khi vào ruột người chui ra khỏi bào xác và bám vào thành ruột.	Trong tuyến nước bọt của muỗi, khi vào máu người, chui vào hồng cầu sống và sinh sản phá hủy hồng cầu.
---	----------	---	------------------------------------	--	---	--

=> Đặc điểm chung của Ngành Động vật nguyên sinh

- +Có kích thước hiển vi
- +Cơ thể chỉ là một tế bào đảm nhận mọi chức năng sống
- +Dinh dưỡng chủ yếu bằng cách dị dưỡng
- +Sinh sản vô tính

Vai trò của động vật nguyên sinh

Vai trò		Tên đại diện
Lợi ích	Trong tự nhiên: + Làm sạch môi trường nước. + Làm thức ăn cho động vật nước: giáp xác nhỏ, cá biển.	+Trùng biến hình, trùng giày, trùng hình chuông, trùng roi. +Trùng biến hình, trùng nhậy, trùng roi giáp.
Tác hại	+Gây bệnh cho động vật +Gây bệnh cho người	+Trùng cầu, trùng bào tử +Trùng roi máu, trùng kiết lị, trùng sốt rét.

Hoạt động 2: Chủ đề Ngành ruột khoang

Xem lại nội dung kiến thức

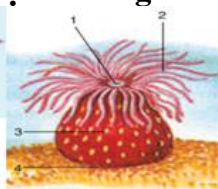
Các đại diện thuộc ngành ruột khoang



Thủy tức



Sứa



Hải quỳ



San hô

1. Thủy tức

Hình dạng ngoài và di chuyển

Hình dạng ngoài:

- +Hình trụ dài
- +Phần dưới là đế, có tác dụng bám.
- +Phần trên có lỗ miệng, xung quanh có tua miệng.
- +Đối xứng toả tròn.

Di chuyển: kiểu sâu đo, kiểu lộn đầu

Hoạt động dinh dưỡng

+Thủy tức bắt mồi bằng tua miệng. Quá trình tiêu hoá thực hiện ở khoang tiêu hoá

+Sự trao đổi khí thực hiện qua thành cơ thể

Sinh sản

	Các hình thức sinh sản: + Sinh sản vô tính: bằng cách mọc chồi; tái sinh + Sinh sản hữu tính: bằng cách hình thành tế bào sinh dục đực và cái. 2. Sứa + Cơ thể hình dù, có tầng keo dày giúp sứa dễ nổi + Khoang tiêu hóa hẹp, thông với lỗ miệng hướng về phía dưới + Sống bơi lội, bắt mồi bằng tua miệng 3. Hải quỳ + Cơ thể hình trụ, có nhiều tua miệng xếp đối xứng + Sống bám vào bờ đá 4. San hô + Cơ thể hình trụ, thích nghi với lối sống bám + Phát triển khung xương bất động, có tổ chức cơ thể kiểu tập đoàn * Sứa, hải quỳ, san hô là động vật ăn thịt và có các tế bào gai độc tự vệ => Đặc điểm chung của ngành ruột khoang + Cơ thể có đối xứng toả tròn. + Cách dinh dưỡng: dị dưỡng Vai trò của ngành ruột khoang Ngành ruột khoang có vai trò: Có lợi: Trong tự nhiên: + Tạo vẻ đẹp thiên nhiên + Có ý nghĩa sinh thái đối với biển Đối với đời sống: + Làm đồ trang trí, trang sức: san hô + Là nguồn cung cấp nguyên liệu vôi: san hô + Làm thực phẩm có giá trị: sứa + Hoá thạch san hô góp phần nghiên cứu địa chất. Tác hại: + Một số loài gây độc, ngứa cho người: sứa. + Tạo đá ngầm, ảnh hưởng đến giao thông.
Hoạt động 3: Chủ đề ngành giun dẹp	Xem lại nội dung kiến thức Các đại diện thuộc ngành giun dẹp 1. Sán lá gan Cấu tạo, di chuyển.

	+Sán lá gan có cơ thể dẹp, đối xứng hai bên và ruột phân nhánh. +Di chuyển: Chui rúc, luồn lách trong gan, mật trâu bò Dinh dưỡng +Hầu có cơ khoẻ giúp miệng hút chất dinh dưỡng từ môi trường kí sinh. +Giác bám, cơ quan tiêu hoá phát triển. Vòng đời của sán lá gan *Vòng đời của sán lá gan: Trâu bò → trứng → ấu trùng có lông → ốc → ấu trùng có đuôi → môi trường nước → bám vào cây rau, bèo → rụng đuôi, kết kén → Trâu bò 2. Sán lá máu: ký sinh trong máu người. 3. Sán bã trầu: ký sinh trong ruột lợn 4. Sán dây: ký sinh trong ruột người và cơ ở trâu, bò, lợn.
Hoạt động 4: Ngành giun tròn	Xem lại nội dung kiến thức Các đại diện thuộc ngành giun tròn The image shows four distinct roundworms. From left to right: 1. Giun đũa (Ascaris), a large, thick, pinkish worm with a long tail. 2. Giun kim (Pinworm), a small, thin, pinkish worm. 3. Giun móc câu (Hookworm), a small, thin, pinkish worm with a curved body. 4. Giun rế lúa (Rice worm), a small, thin, pinkish worm with a coiled body. 1. Giun đũa *Cấu tạo: + Hình trụ dài 25 cm. + Thành cơ thể: biểu bì cơ dọc phát triển. + Chưa có khoang cơ thể chính thức. + Ống tiêu hoá thẳng: có lỗ hậu môn. + Tuyến sinh dục dài cuộn khúc. + Lớp cuticun có tác dụng làm căng cơ thể, tránh dịch tiêu hoá. *Di chuyển: hạn chế, cơ thể cong duỗi giúp giun chui rúc. *Dinh dưỡng: hút chất dinh dưỡng nhanh và nhiều. *Sinh sản: +Giun đũa có cơ quan sinh dục dạng ống dài. +Con cái 2 ống, con đực 1 ống. Thụ tinh trong. +Đẻ nhiều trứng *Vòng đời phát triển:

	Giun đũa (trong ruột người) → đẻ trứng → ấu trùng → thức ăn sống → ruột non (ấu trùng) → máu, tim, gan, phổi → ruột người. 2. Giun kim +Kí sinh ở ruột già người +Trứng giun qua tay và thức ăn truyền vào miệng +Hậu quả gây ngứa ngứa 3. Giun móc câu +Kí sinh ở tá tràng +Hậu quả: làm người bệnh xanh xao, vàng vọt +Ấu trùng xâm nhập qua da bàn chân khi người đi chân đất ở vùng có ấu trùng giun móc câu 3. Giun rế lúa: +Kí sinh ở rế lúa +Hậu quả: gây thối rế, lá úa vàng rồi cây chết *Giun tròn kí sinh ở cơ ruột... (người, động vật). Rế thân quả (thực vật) gây nhiều tác hại. Cách phòng trừ giun kí sinh +Giữ vệ sinh ăn uống cho người và vật nuôi +Ăn chín uống sôi ,vệ sinh môi trường +Rửa tay trước khi ăn và sau khi đi vệ sinh +Không tưới rửa bằng phân tươi +Tẩy giun định kỳ
Hoạt động 5: Ngành giun đốt	Xem lại nội dung kiến thức Các đại diện thuộc ngành giun đốt  Giun đất Giun đỏ Đũa Rươi Sá sùng 1. Giun đất Hình dạng ngoài +Cơ thể đối xứng hai bên +Cơ thể dài, thuôn 2 đầu +Gồm nhiều đốt, xung quanh mỗi đốt có vòng tơ +Da trơn có chất nhầy +Phần đầu: Miệng, đai sinh dục: lỗ sinh dục cái; lỗ sinh dục đực +Phần đuôi: Hậu môn Di chuyển

Các bước di chuyển:

1. Giun chuẩn bị bò
2. Thu mình làm phồng đoạn đầu, thun đoạn đuôi
3. Dùng toàn thân và vòng tơ làm chỗ dựa, vươn đầu về phía trước.
4. Thu mình làm phồng đoạn đầu, thun đoạn đuôi

Kết luận: Nhờ sự co giãn cơ thể kết hợp với các vòng tơ mà giun đất di chuyển được

Dinh dưỡng

+Giun đất ăn vụn thực vật và mùn đất.

+Cách tiêu hóa thức ăn:

Thức ăn lấy từ miệng → điều (chứa thức ăn) → dạ dày cơ (nghiền nhỏ thức ăn) → ruột (hấp thụ chất dinh dưỡng) → hậu môn

enzim

ruột tịt

+Hô hấp: Sự trao đổi khí qua da. Vì trao đổi khí qua da nên khi trời mưa nhiều giun đất phải bò lên mặt đất để thở.

Sinh sản

+Giun đất lưỡng tính.

+Ghép đôi trao đổi tinh dịch tại đai sinh dục.

+Đai sinh dục tuột khỏi cơ thể tạo kén chứa trứng.

*Vòng đời

Giun đất trưởng thành → kén chứa trứng → giun con.

Một số giun đốt khác:

+Giun đốt có nhiều loài: Giun đất, giun đỏ, đĩa, rươi, sá sùng,

+Sống ở các môi trường: đất ẩm, nước, lá cây.

+Giun đốt có thể sống tự do định cư hay chui rúc.

Vai trò giun đốt

+Lợi ích: Làm thức ăn cho người và động vật, làm cho đất tơi xốp, thoáng khí, màu mỡ.

+Tác hại: Hút máu người và động vật, gây bệnh

**Kết luận
hoạt động
1;2;3;4;5**

I. Em hãy hoàn thành các câu hỏi trắc nghiệm ✍

Câu 1: Quá trình tiêu hoá thức ăn của trùng biến hình là quá trình tiêu hoá:

A: Vừa nội bào vừa ngoại bào.

B: Nội bào.

C: Ngoại bào.

D: Nội bào hoặc ngoại bào tùy từng giai đoạn phát triển.

Câu 2: Cơ quan di chuyển của Động vật nguyên sinh sống kí sinh:

A: Là roi bơi.

C: Là chân giả.

B: Thường tiêu giảm.

D: Là lông bơi.

Câu 3: Trùng biến hình có tên gọi như vậy là do:

A: Di chuyển bằng chân giả làm cơ thể thay đổi hình dạng

B: Cơ thể cấu tạo đơn giản nhất

C: Cơ thể trong suốt

D: Không nhìn thấy chúng bằng mắt thường

Câu 4: Trùng roi xanh hô hấp bằng cách nào?

A: Qua không bào co bóp và qua màng tế bào. **C:** Qua không bào tiêu hóa.

B: Nhờ sự trao đổi khí qua màng tế bào.

D: Qua không bào co bóp.

Câu 5: Trùng roi thường sống ở đâu?

A: Trong các cơ thể động vật.

B: Trong các cơ thể thực vật.

C: Trong nước ao, hồ, đầm, ruộng và các vũng nước mưa.

D: Trong nước biển.

Câu 6: Hình thức sinh sản chủ yếu của trùng roi xanh là

A: Mọc chồi.

C: Đẻ con.

B: Phân đôi.

D: Tạo bào tử.

Câu 7: Khi trùng roi xanh sinh sản thì bộ phận phân đôi trước là

A: Nhân tế bào

C: Màng cơ thể

B: Không bào co bóp

D: Roi

Câu 8: Trong các động vật nguyên sinh sau, động vật nào có cấu tạo đơn giản nhất?

	A: Trùng roi. C: Trùng giày. B: Trùng biến hình. D: Trùng bánh xe Câu 9: Vị trí kí sinh của trùng kiết lị trong cơ thể người là A: Trong máu. C: Ở gan. B: Khoang miệng. D: Ở thành ruột. Câu 10: Nhóm nào dưới đây gồm toàn những động vật nguyên sinh có chân giả? A: Trùng biến hình, trùng sốt rét, C: Trùng kiết lị, trùng roi xanh, B: Trùng biến hình, trùng kiết lị, D: Trùng giày, trùng kiết lị, Câu 11: Cơ thể ruột khoang có kiểu đối xứng nào? A: Đối xứng toả tròn. B: Đối xứng hai bên. C: Đối xứng lưng – bụng. D: Đối xứng trước – sau. Câu 12: Hình dạng của thủy tức là A: Dạng trụ dài. B: Hình cầu. C: Hình đĩa. D: Hình nấm. Câu 13: Thủy tức có di chuyển bằng cách nào? A: Di chuyển kiểu lộn đầu. B: Di chuyển kiểu sâu đo. C: Di chuyển bằng cách hút và nhả nước. D: Cả A và B đều đúng Câu 14: Đây là điểm khác nhau giữa hải quỳ và san hô? A: Hải quỳ có khả năng di chuyển còn san hô thì không. B: Hải quỳ có cơ thể đối xứng toả tròn còn san hô thì đối xứng hai bên. C: Hải quỳ có đời sống đơn độc còn san hô sống thành tập đoàn. D: San hô có màu sắc rực rỡ còn hải quỳ có cơ thể trong suốt. Câu 15: Sứa di chuyển bằng cách A: Di chuyển lộn đầu B: Di chuyển sâu đo C: Co bóp dù D: Không di chuyển Câu 16: Loài nào sống cộng sinh với tôm ở nhờ giúp di chuyển A: San hô B: Hải quỳ C: Thủy tức D: Sứa Câu 17: Đặc điểm của sán lá gan thích nghi với lối sống kí sinh là A: Mắt và giác quan phát triển B: Hệ tiêu hóa tiêu giảm C: Mắt và lông bơi tiêu giảm, các giác bám phát triển D: Hệ sinh dục lưỡng tính Câu 18: Vật chủ trung gian thường thấy của sán lá gan là gì? A: Cá. B: Ốc C: Trai. D: Hến Câu 19: Giun dẹp thường kí sinh ở những bộ phận nào A: Ruột non B: Máu C: Gan D: Tất cả các đáp án trên Câu 20: Đặc điểm nào dưới đây là của sán dây? A: Sống tự do. B: Cơ thể dẹp và đối xứng hai bên.
--	--

	C: Mắt và lông bơi phát triển. Câu 21: Loài giun dẹp nào dưới đây sống kí sinh trong máu người ? A: Sán bã trầu. C: Sán dây Câu 22: Giun dẹp chủ yếu sống A: Tự do C: Tự do hay kí sinh Câu 23: Trứng giun đũa xâm nhập vào cơ thể người chủ yếu thông qua đường nào? A. Đường tiêu hoá C. Đường bài tiết nước tiểu Câu 24: Giun đũa kí sinh ở đâu trong cơ thể người A. Máu C. Cơ bắp Câu 25: Giun rễ lúa kí sinh ở A. Ruột già C. Rễ lúa Câu 26: Giun móc câu xâm nhập vào cơ thể người qua A. Da C. Đường tiêu hóa Câu 27: Giun kim sống kí sinh ở đâu trong cơ thể A. Ruột C. Gan, mật Câu 28: Thức ăn của giun đất là gì? A. Động vật nhỏ trong đất. C. Vụn thực vật và mùn đất. Câu 29: Nhóm nào dưới đây gồm toàn những đại diện của ngành Giun đốt? A. Rươi, giun móc câu, sá sùng, vắt, giun chỉ. C. Rươi, giun đất, sá sùng, vắt, giun đỏ. Câu 30: Giun đốt mang lại lợi ích gì cho con người A. Làm thức ăn cho người C. Làm cho đất trồng xốp, thoáng, màu mỡ	D: Cơ thể đơn tính B: Sán lá gan. D: Sán lá máu. B: Kí sinh D: Hình thức khác B. Đường hô hấp. D. Đường sinh dục. B. Ruột non D. Gan B. Tá tràng D. Gan, mật B. Máu D. Đường B. Cơ bắp D. Máu B. Chất dinh dưỡng trong ruột của vật chủ. D. Rễ cây. B. Giun đỏ, giun chỉ, sá sùng, đĩa, giun đũa. D. Giun móc câu, bông thù, đĩa, giun kim, vắt. B. Làm thức ăn cho động vật khác D. Tất cả đều đúng
--	---	--

II. Em hãy hoàn thành các câu hỏi bài tập sau: ✍

1. Cho các đại diện sau: thủy tức,địa, sán bã trầu, trùng roi, sứa, trùng kiết lỵ, trùng biến hình, hải quỳ, trùng sốt rét, trùng giày, san hô, giun đất, giun đũa, sán lá gan, sá sùng, sán dây, giun kim, rươi, giun móc câu, giun rế lúa, sán lá máu,giun đỏ

Hãy xếp các đại diện trên vào đúng ngành,

a. Ngành Động vật nguyên sinh

.....

b. Ngành ruột khoang

.....

c. Ngành giun dẹp

.....

d. Ngành giun tròn

.....

e. Ngành giun đốt

.....

2. Trình bày đặc điểm tiến hóa về cấu tạo và hình thức tiêu hóa thức ăn của các ngành động vật nguyên sinh, ruột khoang, giun dẹp, giun tròn, giun đốt

.....

.....

4. Chứng minh có sự tiến hóa về mặt sinh sản được thể hiện qua các ngành Động vật nguyên sinh, ruột khoang, giun dẹp, giun tròn, giun đốt

.....

.....